

Số: 44/2013/TT-BTC

Hà Nội, ngày 25 tháng 4 năm 2013

THÔNG TƯ**Sửa đổi thuế suất thuế xuất khẩu đối với một số mặt hàng khoáng sản trong Biểu thuế xuất khẩu**

Căn cứ Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu ngày 14/6/2005;

Căn cứ Nghị quyết số 710/2008/NQ-UBTVQH12 ngày 22/11/2008 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sửa đổi Nghị quyết số 295/2007/NQ-UBTVQH12 ngày 28/9/2007 về việc ban hành Biểu thuế xuất khẩu theo danh mục nhóm hàng chịu thuế và khung thuế suất đối với từng nhóm hàng, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi theo danh mục nhóm hàng chịu thuế và khung thuế suất ưu đãi đối với từng nhóm hàng;

Căn cứ Nghị định số 87/2010/NĐ-CP ngày 13/8/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27/11/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 03/01/2012 của Chính phủ về những giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội và dự toán ngân sách năm 2012;

Thực hiện Thông báo số 407/TB-VPCP ngày 17/12/2012 của Văn phòng Chính phủ thông báo kết luận của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Tấn Dũng về quy định xuất khẩu khoáng sản, xử lý hồ sơ hoạt động khoáng sản tồn đọng và công tác quản lý nhà nước đối với các hoạt động khoáng sản;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách Thuế;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư sửa đổi thuế suất thuế xuất khẩu đối với một số mặt hàng khoáng sản trong Biểu thuế xuất khẩu.

Điều 1. Sửa đổi thuế suất thuế xuất khẩu

Sửa đổi thuế suất thuế xuất khẩu đối với một số mặt hàng khoáng sản trong Biểu thuế xuất khẩu theo Danh mục mặt hàng chịu thuế quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 193/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính ban hành Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi theo danh mục mặt hàng chịu thuế như sau:

Số TT	Mô tả hàng hoá	Thuộc các nhóm hàng, phân nhóm hàng, mã số hàng hóa			Thuế suất (%)
5	Quặng Apatít.				
	- Loại hạt mịn có kích thước nhỏ hơn hoặc bằng 0,25 mm	25.10	20	10	15
	- Loại hạt có kích thước trên 0,25 mm đến 15 mm	25.10	20	10	25

Số TT	Mô tả hàng hoá	Thuộc các nhóm hàng, phân nhóm hàng, mã số hàng hóa			Thuế suất (%)
	- Loại khác	25.10	10	10	40
8	Đá cẩm thạch, đá vôi vàng nhạt, ecaussine và đá vôi khác để làm tượng đài hoặc đá xây dựng có trọng lượng riêng từ 2,5 trở lên, và thạch cao tuyết hoa, đã hoặc chưa đẽo thô hoặc mới chỉ cắt bằng cưa hay bằng cách khác, thành các khối hoặc tấm hình chữ nhật (kể cả hình vuông).				
	- Đá vôi trắng (Đá hoa trắng) dạng khối	25.15	20	00	30
	- Loại khác	25.15			17
16	Quặng mangan và tinh quặng mangan, kể cả quặng mangan chứa sắt và tinh quặng mangan chứa sắt với hàm lượng mangan từ 20% trở lên tính theo trọng lượng khô.	2602	00	00	40
17	Quặng đồng và tinh quặng đồng.	2603	00	00	40
21	Quặng chì và tinh quặng chì.	2607	00	00	40
22	Quặng kẽm và tinh quặng kẽm.	2608	00	00	40
28	Quặng titan và tinh quặng titan.				
	- Quặng inmenit và tinh quặng inmenit:				
	- - Inmenit hoàn nguyên ($TiO_2 \geq 56\%$ và $FeO \leq 11\%$)	2614	00	10	15
	- - Xi titan ($TiO_2 \geq 85\%$)	2614	00	10	10
	- - Rutile nhân tạo và rutile tổng hợp ($TiO_2 \geq 83\%$)	2614	00	10	15
	- - Loại khác	2614	00	10	40
	- Loại khác	2614	00	90	40

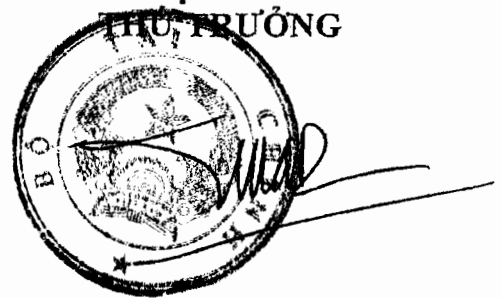
Điều 3. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 9 tháng 6 năm 2013/

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ, các Phó TTCP;
- Văn phòng TW và các ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chủ tịch nước;
- Toà án, Viện Kiểm sát nhân dân TC;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Văn phòng BCĐTW về phòng chống tham nhũng;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Cục Hải quan các tỉnh, thành phố;
- Công báo;
- Website Chính phủ;
- Website Bộ Tài chính;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, CST (PXNK).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG



Vũ Thị Mai